

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

(Dự thảo gửi xin ý kiến)

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP
ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số
93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả,
quyền liên quan.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan, bao gồm: khoản 5 Điều 6, khoản 5 Điều 7, Điều 8a, khoản 3 Điều 11b, khoản 5 Điều 11, khoản 4 Điều 14, Điều 24, Điều 25, Điều 25a, các khoản 1, 3a, 4 và 5 Điều 26, Điều 32, các khoản 1, 2a và 3 Điều 33, khoản 4 Điều 42, khoản 3 Điều 43, khoản 2 Điều 44a, khoản 5 Điều 49, khoản 1 Điều 50, Điều 55, Điều 56, khoản 3 Điều 57, Điều 198b, khoản 6 Điều 201, khoản 6 Điều 202, khoản 2 Điều 214, khoản 5 Điều 216.

2. Nghị định này quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về chính sách của Nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, tác phẩm phái sinh, đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả, các quyền

tác giả, quyền liên quan, quyền của đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm di cảo, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan, tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan, tranh chấp và xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xác định thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, yêu cầu và giải quyết yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xử lý xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Nghị định này không quy định biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền trong trường hợp Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, Nhà nước đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp thuộc giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan thì thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này.”

Điều 2. Bổ sung khoản 12a vào sau khoản 12 của Điều 3

“12a. Tín hiệu cấp mang chương trình được mã hóa là tín hiệu cấp mang chương trình được truyền đi mà một trong hai đặc tính âm thanh, hình ảnh hoặc cả hai đặc tính này đã được biến đổi, thay đổi nhằm mục đích ngăn cản những người không có thiết bị giải mã tín hiệu cấp hợp pháp thu trái phép chương trình được truyền trong tín hiệu đó.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 5

1. Bổ sung điểm p1 vào sau điểm p khoản 2:

“p1) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan; chia sẻ, tích hợp dữ liệu với các cơ quan, tổ chức có liên quan;”

2. Sửa đổi, bổ sung các điểm q, r khoản 2:

“q) Quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động giám định về quyền tác giả, quyền liên quan; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

r) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;”

3. Sửa đổi, bổ sung các điểm d, đ khoản 4:

“d) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương; cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương;”

Điều 4. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5

“Điều 5a. Việc phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo

1. Quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong trường hợp con người có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo để sáng tạo, định hình hoặc thực hiện chỉ phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Sở hữu trí tuệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Con người đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo tác phẩm, định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm: thiết lập các câu lệnh để điều khiển hệ thống trí tuệ nhân tạo; đánh giá, lựa chọn, chỉnh sửa, can thiệp hoặc diễn giải kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra; lựa chọn, sắp xếp, tổ chức nội dung đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan; đưa ra các quyết định nghệ thuật, thẩm mỹ hoặc chuyên môn; quyết định kết quả cuối cùng;

b) Con người chịu trách nhiệm về đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan của mình được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo;

c) Không gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan của các đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho hệ thống trí tuệ nhân tạo;

d) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Người sáng tạo tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là tác giả hoặc đồng tác giả của tác phẩm được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo.

3. Khi có yêu cầu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo, người sáng tạo, định hình hoặc thực hiện đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan phải chứng minh về việc sáng tạo, định hình hoặc thực hiện của mình và phải kê khai trung thực việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

4. Trường hợp sản phẩm hoàn toàn do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra hoặc không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì

không làm phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ.

5. Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Chương III của Luật Sở hữu trí tuệ.”

Điều 5. Bổ sung Điều 5b vào sau Điều 5a

“Điều 5b. Quản lý, khai thác quyền tác giả, quyền liên quan

1. Chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan lập và quản lý danh mục riêng để quản trị nội bộ trong trường hợp quyền tác giả, quyền liên quan chưa đáp ứng điều kiện để ghi nhận giá trị tài sản trong sổ kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 8a của Luật Sở hữu trí tuệ.

Việc lập và quản lý danh mục không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Đối với tác phẩm được bảo hộ: tên tác phẩm; loại hình tác phẩm; tác giả, đồng tác giả (tên, bút danh; ngày, tháng, năm sinh; năm chết, nếu có); chủ sở hữu quyền tác giả; nội dung chính của tác phẩm; thời điểm định hình; thời điểm, hình thức công bố (nếu đã công bố);

b) Đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được bảo hộ: tên cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; người biểu diễn; chủ sở hữu quyền liên quan; nội dung chính của cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; thời điểm định hình, thực hiện; thời điểm, hình thức công bố (nếu đã công bố);

c) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (nếu có);

d) Căn cứ phát sinh quyền sở hữu hoặc sử dụng (tự sáng tạo, giao nhiệm vụ, giao kết hợp đồng sáng tạo, nhận chuyển nhượng, nhận chuyển quyền sử dụng, được thừa kế, kế thừa, tặng cho hoặc hình thức hợp pháp khác);

đ) Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát sinh quyền sở hữu hoặc sử dụng; chi phí trực tiếp liên quan đến việc thực hiện các hoạt động đăng ký, sửa chữa, nâng cấp, quản lý, bảo vệ quyền (nếu có); chi phí thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan (nếu có);

e) Tình trạng khai thác, sử dụng (tự khai thác, sử dụng, chuyển quyền sử dụng, chuyển nhượng và tiền bản quyền thu được, nếu có).

3. Chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan được sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan của mình để thực hiện các hoạt động giao dịch dân sự, thương mại, đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, bao gồm các hình thức sau:

- a) Chuyển nhượng quyền sở hữu;
- b) Chuyển quyền sử dụng;
- c) Góp vốn bằng quyền tác giả, quyền liên quan;
- d) Sử dụng làm tài sản bảo đảm;
- đ) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.”

Điều 6. Bổ sung Điều 5c vào sau Điều 5b

“Điều 5c. Cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan, quản lý và tổ chức thực hiện việc chia sẻ, kết nối, khai thác, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, quyền liên quan được tập hợp một cách chọn lọc, có hệ thống, phù hợp với các mục đích tra cứu, liên quan đến:

- a) Thông tin Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp;
- b) Thông tin về tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;
- c) Thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan;
- d) Thông tin về tổ chức giám định và giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan;
- đ) Thông tin về tổ chức đáp ứng điều kiện liên quan đến trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật và danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức;
- e) Thông tin về đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian;
- g) Thông tin về thực thi quyền tác giả, quyền liên quan;
- h) Thông tin về giá giao dịch quyền tác giả, quyền liên quan;

i) Thông tin liên quan khác.

3. Việc thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải phù hợp với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin và quy định của pháp luật khác có liên quan.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3:

“c) Phương pháp hoạt động là tập hợp các hướng dẫn, quy tắc, cách thức hoặc quy trình để thực hiện một công việc, vận hành một hoạt động hoặc giải quyết một vấn đề cụ thể;”

2. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3:

“4. Ý tưởng; khẩu hiệu; tên tác phẩm một cách độc lập quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:

a) Ý tưởng là các suy nghĩ, dự định, phương hướng sáng tạo chưa được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định, chưa phải là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học;

b) Khẩu hiệu là các cụm từ ngắn gọn, thông điệp mang tính quảng bá hoặc nhận diện mà không thể hiện được dấu ấn cá nhân hoặc sự lựa chọn sáng tạo độc lập của tác giả vượt ra ngoài các cách diễn đạt thông thường về ngôn ngữ;

c) Tên tác phẩm một cách độc lập được hiểu là tên gọi của tác phẩm khi đứng tách rời khỏi nội dung tác phẩm đó.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 22

“Điều 22. Sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ phải tôn trọng quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 19 và khoản 2 Điều 29 của Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện quy định về quyền tài sản như sau:

a) Phải xin phép sử dụng và trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Không phải xin phép sử dụng nhưng phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 3a Điều 26 và các khoản 1, 2a Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Không phải xin phép sử dụng và không phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 25, Điều 25a, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và khoản 1 Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này với cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 3 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ:

a) Việc khai thác quyền tác giả, quyền liên quan phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu là đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

c) Đối với các trường hợp không quy định tại điểm b khoản này thì thực hiện như sau:

Người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc khai thác quyền tác giả, quyền liên quan thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền được giao, trường hợp vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định theo quy định của pháp luật.

Việc quyết định khai thác quyền tác giả, quyền liên quan phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trữ trong hồ sơ quản lý tài sản công.

Số tiền bản quyền thu được từ việc khai thác tài sản công là quyền tác giả, quyền liên quan sau khi trừ đi các khoản chi phí có liên quan đến việc tổ chức khai thác, sử dụng, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có), phần còn lại nộp về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

4. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ:

a) Trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Nghị

định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

b) Đối với các trường hợp không quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

6. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25

“2. Thiết bị sao chép quy định tại các điểm a, b và e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ là thiết bị có chức năng sao chép với toàn bộ hoặc một phần linh kiện liên quan được tự động hóa.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 29

“3. Sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính quy định tại điểm e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ phải áp dụng các biện pháp để ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả và không được cung cấp cho công chúng bản sao tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số bên ngoài khuôn viên của thư viện sử dụng hợp pháp bản sao đó. Việc sử dụng trên hệ thống máy tính của xe ô tô thư viện lưu động trong phục vụ lưu động, chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị ngoài thư viện nơi không có mạng cũng được coi là sử dụng trong khuôn viên của thư viện.”

Điều 11. Bổ sung Mục 3 vào sau Mục 2 Chương III

“Mục 3

SỬ DỤNG VĂN BẢN VÀ DỮ LIỆU LÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO”

Điều 12. Bổ sung Điều 37a vào Mục 3 Chương III và sau Điều 37

“Điều 37a. Điều kiện sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ

1. Văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan được sử dụng theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ phải thỏa mãn:

a) Được công bố hợp pháp phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Nghị định này;

b) Được tiếp cận thông qua hành vi hợp pháp, không bị giới hạn sử dụng theo Điều 37b của Nghị định này và không được thu thập từ nguồn bất hợp pháp.

2. Việc sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Việc sử dụng chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo và không nhằm mục đích thương mại;

b) Việc sử dụng không được mâu thuẫn với việc khai thác bình thường văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

c) Kết quả đầu ra của hệ thống trí tuệ nhân tạo không nhằm mục đích thay thế thị trường tiêu thụ hoặc khai thác bình thường đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, không tạo ra việc cạnh tranh không lành mạnh đối với việc khai thác, sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan.”

Điều 13. Bổ sung Điều 37b vào Mục 3 Chương III và sau Điều 37a

“Điều 37b. Quyền bảo lưu của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan

Tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có quyền bảo lưu quyền tác giả, quyền liên quan của mình, không cho phép văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của mình được sử dụng theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ. Việc bảo lưu phải được tuyên bố rõ ràng và thể hiện dưới dạng văn bản điều khoản sử dụng hoặc các biện pháp kỹ thuật máy đọc được, là một phần không thể tách rời khỏi bản gốc, bản sao đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, bảo đảm tổ chức, cá nhân sử dụng có thể nhận biết một cách hợp lý, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

Điều 14. Bổ sung Điều 37c vào Mục 3 Chương III và sau Điều 37b

“Điều 37c. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ và các điều 37a, 37b của Nghị định này có trách nhiệm:

a) Áp dụng các biện pháp hợp lý để ngăn chặn việc kết quả đầu ra của hệ thống trí tuệ nhân tạo gây xuyên tạc, sửa đổi, cắt xén đối tượng quyền tác giả,

quyền liên quan dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả, người biểu diễn theo quy định;

b) Lưu giữ hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện, dữ liệu sử dụng theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và sẵn sàng cung cấp thông tin khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, giải quyết tranh chấp, xử lý hành vi vi phạm pháp luật có liên quan;

c) Tôn trọng quyền bảo lưu của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại Điều 37b của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan để huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mục đích thương mại, phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo ra thị trường phải thực hiện khoản 1 Điều này và phải thực hiện các nghĩa vụ tương ứng với tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan theo quy định tại các điều 19, 20, 29, 30, 31 của Luật Sở hữu trí tuệ.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 38

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam có thể tự mình hoặc ủy quyền cho đại diện hợp pháp tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài không có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan thông qua ủy quyền cho tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam.”

3. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b của khoản 5:

“a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 8 Điều này, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Nghị định này, phí, lệ phí và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng

nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6:

“6. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan thông qua ủy quyền thì thành phần hồ sơ phải bao gồm văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải ghi cụ thể thông tin liên hệ của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền.

Trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền đều là cá nhân hoặc tổ chức không có tư cách pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 7:

“7. Tài liệu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng ngôn ngữ khác thì phải được dịch ra tiếng Việt (có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự). Tài liệu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan phải được đánh máy hoặc in bằng loại mực khó phai mờ, rõ ràng, sạch sẽ, không tẩy xóa, không sửa chữa; trường hợp phát hiện có sai sót không đáng kể thuộc về lỗi chính tả trong tài liệu đã nộp thì cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ có thể sửa chữa các lỗi đó, nhưng tại chỗ bị sửa chữa phải có chữ ký xác nhận (và đóng dấu, nếu có) của cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 8:

“8. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan được nộp qua Công dịch vụ công trực tuyến hoặc theo cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.”

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 39

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan theo quy định tại Điều 39a của Nghị định này.”

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2:

“2a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc tạm dừng xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi có văn bản thụ lý vụ việc tranh chấp của Tòa án, Trọng tài hoặc văn bản thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo của cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn tạm dừng cho đến khi có quyết định hoặc phán quyết có hiệu lực thi hành.”

Điều 17. Bổ sung Điều 39a vào sau Điều 39

“Điều 39a. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

1. Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.

2. 02 bản sao tác phẩm hoặc 02 bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.

3. Văn bản ủy quyền nếu người nộp hồ sơ là người được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của Nghị định này.

4. Tài liệu chứng minh là chủ sở hữu quyền:

a) Tài liệu chứng minh nhân thân đối với cá nhân: 01 bản sao Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, trừ trường hợp đã có dữ liệu trên Ứng dụng định danh quốc gia (VneID);

b) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý đối với tổ chức: 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định thành lập, trừ trường hợp đã có dữ liệu trên Ứng dụng định danh quốc gia (VneID);

c) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo là quyết định giao nhiệm vụ hoặc xác nhận giao nhiệm vụ cho cá nhân thuộc đơn vị, tổ chức đó;

d) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao kết hợp đồng sáng tạo là hợp đồng, thể lệ, quy chế tổ chức cuộc thi;

đ) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được thừa kế là văn bản xác định quyền thừa kế có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật;

e) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được chuyển giao quyền là hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, mua bán, góp vốn bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

g) Trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả phải có văn bản cam đoan về việc tự sáng tạo, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam và sáng tạo theo quyết định hoặc xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân định hình, thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng không đồng thời là chủ sở hữu quyền liên quan phải có văn bản cam đoan về việc tự định hình, thực hiện, không gây phương hại đến quyền tác giả, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam và định hình, thực hiện theo quyết định hoặc xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan;

h) Tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản này phải là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực.

5. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả, trừ trường hợp tất cả các đồng tác giả cùng ký tên trên tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

6. Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả, quyền liên quan thuộc sở hữu chung, trừ trường hợp tất cả các đồng chủ sở hữu cùng ký tên trên tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

7. Trường hợp trong tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có sử dụng hình ảnh, thông tin cá nhân của người khác hoặc sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan của người khác thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.”

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 40

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3:

“c) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.”

2. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3:

“3a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo tạm dừng theo trường hợp quy định tại khoản 2a Điều 39 của Nghị định này.”

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 41

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi có thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thông tin của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.”

2. Bổ sung các điểm đ, e vào sau điểm d khoản 2:

“đ) Tài liệu chứng minh về việc thay đổi trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thay đổi thông tin của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

e) Văn bản đồng ý của tác giả trong trường hợp thay đổi tên tác phẩm, trừ trường hợp đã chuyển sử dụng quyền đặt tên theo quy định tại khoản Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3:

“b) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.”

4. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3:

“3a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo tạm dừng theo trường hợp quy định tại khoản 2a Điều 39 của Nghị định này.”

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 43

1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3:

“3a. Tác phẩm có nội dung liên quan tới y khoa, giáo dục và các lĩnh vực chuyên ngành, đặc thù khác cần có văn bản, giấy tờ xác nhận, thẩm định, phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4:

“4. Tác phẩm điện ảnh phải bao gồm kịch bản văn học dưới dạng văn bản thể hiện toàn bộ diễn biến của câu chuyện phim hoặc kịch bản phân cảnh dưới dạng văn bản thể hiện các cảnh quay của bộ phim dựa trên kịch bản văn học.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6:

“6. Tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bản sao tác phẩm phải được thể hiện rõ ràng trên khổ giấy A4 thể hiện đúng bố cục, đường nét, màu sắc, hình khối của toàn bộ tác phẩm;

b) Trường hợp tác phẩm có chứa các chữ, từ ngữ không phải là tiếng Việt thì phải ghi rõ là từ ngữ không có nghĩa tiếng Việt và nếu các chữ, từ ngữ đó có nghĩa thì phải dịch ra tiếng Việt; có chứa chữ số không phải là chữ số Ả-rập hoặc chữ số La-mã thì phải dịch ra chữ số Ả-rập.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9:

“9. Chương trình máy tính phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bản sao chương trình máy tính bao gồm bản điện tử chứa code, giao diện của chương trình máy tính có thể cài đặt để chạy được chương trình và bản in trên khổ giấy A4 chứa toàn bộ giao diện và mã code của chương trình máy tính đó. Trường hợp bản in phần mã code chương trình máy tính nêu trên có từ 100 trang trở lên thì in 25 trang đầu, 25 trang giữa và 25 trang cuối của phần mã code;

b) Đối với chương trình máy tính là phần mềm trò chơi thì phải có kịch bản trò chơi.”

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 55

“6. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về các tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan.”

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 71

“a) Giá chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc giá chuyển quyền sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan. Đối với giá trị hàng hóa về quyền tác giả, quyền liên quan thì thực hiện theo Điều 81 của Nghị định này;”

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 84

“Điều 84. Buộc tiêu hủy

1. Đối với hàng hóa sao chép lậu, cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyết định áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa sao chép lậu theo yêu cầu của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan mà không được bồi hoàn dưới bất kỳ hình thức nào, trừ các trường hợp sau đây:

a) Hàng hóa đã loại bỏ yếu tố xâm phạm, là hàng hóa thiết yếu phục vụ mục đích nhân đạo, y tế, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc lợi ích công cộng;

b) Hàng hóa đã loại bỏ yếu tố xâm phạm và việc tiêu hủy hàng hóa gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng, an sinh xã hội hoặc môi trường.

2. Trong trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm có thể quyết định áp dụng biện pháp xử lý thay thế phù hợp. Nếu biện pháp xử lý thay thế là buộc đưa hàng hóa vào phân phối, sử dụng thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 83 của Nghị định này.

3. Biện pháp buộc tiêu hủy hàng hàng hóa xâm phạm (không bao gồm hàng hóa sao chép lậu), nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm được áp dụng trong trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện để áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại quy định tại Điều 83 của Nghị định này.”

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 87

“Điều 87. Cơ quan hải quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn

Cơ quan hải quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hoặc tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.”

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 88

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đơn trong thời hạn quy định, nếu người nộp đơn đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 217 của Luật Sở hữu trí tuệ và nộp đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật về hải quan. Trong trường hợp từ chối, cơ quan hải quan phải trả lời bằng văn bản cho người nộp đơn và nêu rõ lý do.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Trên cơ sở thông báo chấp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, các Chi cục Hải quan khu vực, Chi cục Điều tra chống buôn lậu tra cứu dữ liệu trên hệ thống để tổ chức triển khai việc kiểm tra, giám sát trong phạm vi địa bàn quản lý.”

Điều 26. Bổ sung Điều 97a vào sau Điều 97

“Điều 97a. Khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Mục tiêu của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan:

a) Cung cấp kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ cần thiết cho hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Trang bị và nâng cao năng lực thực hành giám định, bao gồm: lấy mẫu, xử lý, bảo quản mẫu, tiếp nhận, xử lý, bảo quản đối tượng giám định, thu thập,

xử lý tài liệu, thông tin phục vụ giám định, sử dụng pháp luật, vận dụng các kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ phù hợp để phục vụ quá trình giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Hình thành và củng cố nhận thức về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý, tính độc lập, khách quan, trung thực trong hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Yêu cầu đối với khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan:

a) Khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan được tổ chức thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Chương trình đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan có tổng thời lượng tối thiểu là 200 giờ, bảo đảm cân đối giữa lý thuyết và thực hành, cập nhật phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thực tiễn quốc tế và phải có nội dung đánh giá kết quả học tập của người tham gia khóa đào tạo.

Chương trình khung của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Phụ lục II của Nghị định này;

c) Việc đánh giá kết quả học tập phải bao gồm các nội dung về kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, năng lực thực hành và đạo đức nghề nghiệp, bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

3. Người được đánh giá là hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan được cơ sở đào tạo quy định tại khoản 4 Điều này cấp chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Căn cứ quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Chương trình chi tiết của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan và tổ chức khóa đào tạo theo quy định của pháp luật.”

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 98

“Điều 98. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

1. Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên trên Cổng dịch vụ công trực

tuyển hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân thường trú. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học;

c) Giấy xác nhận quá trình công tác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ (do cơ quan, tổ chức nơi công tác cấp);

d) Bản chính hoặc bản sao chứng thực chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định viên từ đủ năm năm trở lên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

đ) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm.

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp Thẻ giám định viên. Trường hợp từ chối cấp Thẻ giám định viên thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 11 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hiệu lực của Thẻ giám định viên: Thẻ giám định viên có hiệu lực kể từ ngày cấp.

4. Cấp lại Thẻ giám định viên:

a) Chỉ cấp lại Thẻ giám định viên trong trường hợp Thẻ giám định viên bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Thẻ giám định viên;

b) Giám định viên có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên nộp Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) và các tài liệu quy định tại các điểm a và đ khoản 1 Điều này trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã cấp thẻ. Trường hợp bị hư hỏng phải nộp lại Thẻ giám định viên bị hư hỏng;

c) Thời hạn cấp lại là 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên.

5. Cơ quan đã cấp, cấp lại có quyền thu hồi Thẻ giám định viên đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định tại Điều 93 của Nghị định này;

b) Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật;

c) Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.

6. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan lập Danh sách giám định viên theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan này.

7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định cấp, cấp lại hoặc thu hồi Thẻ giám định viên, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo đến cơ quan quy định tại khoản 7 Điều này về Quyết định cấp, cấp lại hoặc thu hồi để ghi nhận, cập nhật vào Danh sách giám định viên.”

Điều 28. Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 1 Điều 100

“b1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;”

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 110

“đ) Doanh nghiệp cung cấp nền tảng số trung gian, bao gồm dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử và các nền tảng số trung gian khác;”

Điều 30. Bổ sung, thay thế từ, cụm từ tại một số điều, phụ lục

1. Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn” bằng cụm từ “tổ chức hành chính” tại khoản 5 Điều 5.

2. Bổ sung từ “trên” vào trước cụm từ “bao bì sản phẩm” tại khoản 8 Điều 6.

3. Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” bằng cụm từ “tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan” tại khoản 2 Điều 23, các điểm a, b khoản 4, các điểm b, d khoản 5 Điều 30, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 36, khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 37, khoản 1 Điều 42, khoản 3 Điều 47, khoản 2 Điều 54, điểm c khoản 4 Điều 89, điểm i khoản 3 Điều 93,

điểm e khoản 3 Điều 95, Điều 96, các khoản 1, 2, điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 99, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 111, khoản 1 Điều 113.

4. Bổ sung cụm từ “trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc” vào sau cụm từ “nộp hồ sơ” tại khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 36, điểm a khoản 3 Điều 37.

5. Thay thế cụm từ “30 ngày” bằng cụm từ “20 ngày” tại các điểm a, b khoản 5 Điều 23.

6. Thay thế cụm từ “khoản 1 Điều 26” bằng cụm từ “khoản 1, 3a Điều 26”, cụm từ “khoản 1 Điều 33” bằng cụm từ “khoản 1, 2a Điều 33” tại các khoản 2, 3 Điều 34, các khoản 1, 2 Điều 35, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 50.

7. Bổ sung cụm từ “, tái phát sóng, truyền đạt đến công chúng chương trình phát sóng” vào sau cụm từ “để phát sóng” tại các khoản 1, 2 Điều 35.

8. Bổ sung cụm từ “, đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình” vào sau cụm từ “tổ chức phát sóng” tại khoản 3 Điều 35.

9. Thay thế cụm từ “(theo Mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này)” bằng cụm từ “(theo mẫu)” tại điểm b khoản 2 Điều 42.

10. Thay thế cụm từ “TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN TẬP THỂ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, DỊCH VỤ” bằng cụm từ “TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẬP THỂ, TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN” tại tên Chương V.

11. Thay thế cụm từ “tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan” bằng cụm từ “tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan” tại điểm g khoản 2 Điều 5, các điểm a, b khoản 3 Điều 38, tên Điều 55, các khoản 1, 2, 7 Điều 55.

12. Thay thế cụm từ “tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan” bằng cụm từ “tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan” tại các điểm g, h khoản 2 Điều 5, điểm c khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 34, các điều 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, khoản 1 Điều 56.

13. Bổ sung cụm từ “công lập” vào sau cụm từ “đơn vị sự nghiệp” tại điểm c khoản 1 Điều 55.

14. Bổ sung cụm từ “tín hiệu cáp mang chương trình được mã hóa,” vào trước cụm từ “tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa” tại khoản 1 Điều 60, các khoản 2, 3, 4 Điều 61, các điểm e, g khoản 4 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 77.

15. Thay thế cụm từ “môi trường mạng viễn thông và mạng Internet” bằng cụm từ “không gian mạng” tại khoản 4 Điều 64, điểm h khoản 1 Điều 75, tên Điều 111, khoản 6 Điều 111, khoản 2 Điều 114.

16. Thay thế cụm từ “mạng viễn thông và mạng Internet” bằng cụm từ “không gian mạng” tại các điểm a, b khoản 1 Điều 110.

17. Thay thế cụm từ “tư vấn, dịch vụ quyền tác giả” bằng cụm từ “dịch vụ đại diện quyền tác giả” tại khoản 11 Điều 62, khoản 7 Điều 63.

18. Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” bằng cụm từ “cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan” tại khoản 3 Điều 88, các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 89.

19. Thay thế cụm từ “Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Chi cục Hải quan khu vực và Cục Hải quan” tại điểm d khoản 4 Điều 89.

20. Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” bằng cụm từ “cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng” tại khoản 6 Điều 89.

21. Bổ sung cụm từ “trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc” vào trước cụm từ “trực tiếp” tại khoản 1 Điều 99.

22. Thay thế cụm từ “20 ngày” bằng cụm từ “15 ngày” tại điểm c khoản 4 Điều 99.

23. Thay thế cụm từ “KHI PHÁT SÓNG TÁC PHẨM, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH” bằng cụm từ “KHI PHÁT SÓNG TÁI PHÁT SÓNG, TRUYỀN ĐẠT ĐẾN CÔNG CHÚNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG” tại tên Phụ lục I.

24. Thay thế cụm từ “Tổ chức phát sóng và chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình không đạt được thỏa thuận về việc trả tiền bản quyền theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này” bằng cụm từ “Việc trả tiền bản quyền trong trường hợp không đạt được thỏa thuận theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này” tại mục I Phụ lục I.

25. Thay thế cụm từ “phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng” bằng cụm từ “phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình” tại mục I Phụ lục I.

26. Thay thế cụm từ “VTV1, VTC1” bằng cụm từ “VTV1” tại mục I.2 Phụ lục I.

27. Thay thế các mẫu số 02, 04, 05, 10, 11 Phụ lục III bằng lần lượt các mẫu số 02, 04, 05, 10, 11 Phụ lục I của Nghị định này.

28. Thay thế cụm từ “Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019 và 2022” bằng cụm từ “Luật Sở hữu trí tuệ số ...” tại Mẫu số 13 Phụ lục III.

Điều 31. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều, mẫu của phụ lục

Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 23, điểm đ khoản 3 Điều 36, điểm đ khoản 4 Điều 37, điểm d khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 46, các khoản 3, 4, 5 Điều 55, Điều 85, Điều 97, các mẫu số 01, 06, 08, 09 Phụ lục III.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2026.
2. Các điều 11, 12, 13, 14, 15 của Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan, hồ sơ yêu cầu cấp, cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan đã được nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT,

TM. CHÍNH PHỦ

Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN TRONG LĨNH VỰC
QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 02	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 04	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 05	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 10	Tờ khai yêu cầu cấp, cấp lại thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 11	Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC SỬ DỤNG TÁC PHẨM, CUỘC BIỂU DIỄN, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG MÀ NHÀ NƯỚC LÀ ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền) Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ Đề nghị Cục Bản quyền tác giả chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan.	
④ TÁC PHẨM/CUỘC BIỂU DIỄN/BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH/CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG Tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng: _____ Loại hình tác phẩm: _____ Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả/chủ sở hữu quyền liên quan (nếu có): _____ Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng: _____ Số GCN đăng ký quyền tác giả/GCN đăng ký quyền liên quan (nếu có): _____	
⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền tại Niên giám đăng ký về quyền tác giả, quyền liên quan ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền qua tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền qua tổ chức, cá nhân đã hoặc đang sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>

trên mạng ☐ Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	☐ ☐
⑥ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại: ngày ... tháng ... năm ...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

TỜ KHAI**ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC DỊCH TÁC PHẨM TỪ TIẾNG NƯỚC
NGOÀI SANG TIẾNG VIỆT ĐỂ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHÔNG
NHẪM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền) Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ Đề nghị Cục Bản quyền tác giả chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.	
④ TÁC PHẨM ĐỀ NGHỊ DỊCH Tên tác phẩm: _____ Loại hình tác phẩm: _____ Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả: Họ và tên: _____ Quốc tịch: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____ Email: _____ Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm: _____ Thông tin khác về tác phẩm (nếu có): _____	
⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực xin phép/tìm kiếm chủ sở hữu quyền tác giả ☐ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện khác theo quy định ☐ Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i>

pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên)
---	--	--

⑥ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC SAO CHÉP TÁC PHẨM
ĐỀ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền) Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ Đề nghị Cục Bản quyền tác giả chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.	
④ TÁC PHẨM ĐỀ NGHỊ SAO CHÉP Tên tác phẩm: _____ Loại hình tác phẩm: _____ Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả: Họ và tên: _____ Quốc tịch: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____ Email: _____ Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm: _____ Thông tin khác về tác phẩm (nếu có): _____	
⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Kế hoạch sử dụng ☐ Tài liệu chứng minh đã nỗ lực xin phép/tìm kiếm chủ sở hữu quyền tác giả ☐ Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện khác theo quy định ☐ Văn bản ủy quyền (có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự) trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i> Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên)

quyền	
⑥ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại: ngày ... tháng ... năm ...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI
THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ảnh
(3 x 4 cm)

① THÔNG TIN NGƯỜI YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Họ và tên:

Năm sinh:

Nơi sinh:

Số CCCD:

Cấp ngày:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

② NỘI DUNG YÊU CẦU

☐ Yêu cầu cấp Thẻ lần đầu

☐ Yêu cầu cấp lại Thẻ

Số Thẻ đã cấp:

Lý do cấp lại: ☐ Thẻ bị mất ☐ Thẻ bị hư hỏng ☐ Thay đổi thông tin trong Thẻ giám định viên

③ CHUYÊN NGÀNH GIÁM ĐỊNH

☐ Quyền tác giả

☐ Quyền liên quan

④ HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH

☐ Hoạt động độc lập

☐ Hoạt động trong tổ chức giám định

⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ

☐ Tờ khai theo mẫu

☐ Bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học

☐ Giấy xác nhận quá trình công tác

☐ Bản chính hoặc bản sao chứng thực chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan

☐ 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm

**KIỂM TRA DANH MỤC
TÀI LIỆU**

(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)

Cán bộ nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ tên)

☐ Thẻ đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)	☐
⑥ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại: ngày ... tháng ... năm ...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)	

MẪU THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Số:/ Năm-TGĐV
<i>Ảnh</i> 3 x 4 cm	Họ và tên: Sinh ngày: Thẻ CCCD (số):.....cấp ngày.....tại Địa chỉ thường trú: Chuyên ngành giám định: Hình thức hoạt động giám định: ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN <i>(ký tên, đóng dấu)</i>
	Họ và tên

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý - Thẻ này được cấp theo Quyết định số ... ngày ... của ... - Người được cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan được hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo chuyên ngành và hình thức quy định. - Thẻ giám định viên bị thu hồi đối với một trong các trường hợp sau đây: - Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định của pháp luật về điều kiện giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan; - Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật; - Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.

(Thẻ giám định quyền tác giả, quyền liên quan có kích thước 12 cm x 18 cm)

Phụ lục II
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CỦA KHÓA ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ
VỀ GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

I. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan có tổng thời lượng tối thiểu là 200 giờ, được cấu trúc gồm 03 phần, cụ thể như sau:

- Phần I: Kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, có tổng thời lượng tối thiểu chiếm 50% thời lượng chương trình, bao gồm các tiết lý thuyết và tiết thảo luận.
- Phần II: Kỹ năng thực hành giám định hoặc học tập thực tế, có tổng thời lượng tối thiểu chiếm 40% thời lượng chương trình.
- Phần III: Các hoạt động hỗ trợ, bao gồm hoạt động kiểm tra, đánh giá, khai giảng, bế giảng và hoạt động khác (nếu có).

II. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức chung

- Hệ thống pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan và giám định quyền tác giả, quyền liên quan; Điều ước, cam kết quốc tế có nội dung về quyền tác giả, quyền liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết, tham gia;
- Nội dung quyền tác giả, quyền liên quan: căn cứ phát sinh, điều kiện được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; Các quyền nhân thân, quyền tài sản đối với tác phẩm, quyền đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; Trường hợp giới hạn, ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan,...;
- Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan: Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; Biện pháp bảo vệ quyền, chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan,...;
- Vai trò, nội dung, nguyên tắc thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Quy trình tiếp nhận yêu cầu giám định, tiếp nhận, xử lý, quản lý và bảo quản mẫu vật, bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tài liệu và thông tin phục vụ giám định; trình tự thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Phương pháp, cách thức thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Giá trị pháp lý của kết luận giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Đạo đức nghề nghiệp, quyền và trách nhiệm pháp lý của giám định viên; vấn đề bảo đảm tính độc lập, khách quan và bảo mật thông tin trong hoạt động giám định.

2. Kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ

a) Kỹ năng lấy mẫu, xử lý, bảo quản mẫu, tiếp nhận, xử lý, bảo quản đối tượng giám định, thu thập, xử lý tài liệu, thông tin phục vụ giám định:

- Xác định loại, phạm vi, hình thức và số lượng mẫu, đối tượng, tài liệu, thông tin phục vụ giám định theo yêu cầu giám định;

- Thực hiện lấy mẫu, lập biên bản, ghi nhận tình trạng, nguồn gốc và thời điểm lấy mẫu theo quy định;

- Đánh giá độ tin cậy, tính toàn vẹn, tính xác thực của mẫu giám định, đối tượng giám định;

- Thu thập, phân tích, đánh giá tài liệu, thông tin liên quan phục vụ giám định;

- Phân loại, xử lý, sao lưu, trích xuất và bảo quản mẫu, đối tượng, tài liệu, thông tin phục vụ giám định, bảo đảm tính toàn vẹn của đối tượng;

- Theo dõi và ghi nhận quá trình phân tích, xử lý mẫu, đối tượng giám định.

b) Kỹ năng xác định căn cứ phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan:

- Xác định loại hình tác phẩm, đối tượng quyền liên quan và điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp, phần không thuộc phạm vi bảo hộ;

- Xác định thời điểm phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;

- Phân tích căn cứ phát sinh quyền trong các trường hợp sáng tạo độc lập; giao nhiệm vụ; giao kết hợp đồng; thừa kế, kế thừa; chuyển giao, tặng cho hoặc các căn cứ hợp pháp khác;

- Phân tích mối quan hệ giữa tác giả, người biểu diễn và chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

- Xác định phạm vi quyền và chủ thể quyền làm căn cứ phục vụ hoạt động giám định.

c) Kỹ năng xác định yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan:

- Xác định đối tượng được bảo hộ và phạm vi quyền được bảo hộ theo quy định của pháp luật;

- Xác định chủ thể thực hiện hành vi và mối quan hệ pháp lý với chủ thể quyền; sự tiếp cận, thời điểm, mục đích tiếp cận đối tượng được bảo hộ của chủ thể thực hiện hành vi;

- Phân tích hành vi khai thác, sử dụng tác phẩm, đối tượng quyền liên quan về hình thức, phạm vi và mục đích;

- So sánh giữa đối tượng bị nghi ngờ xâm phạm và đối tượng được bảo hộ (mức độ trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt).

d) Kỹ năng so sánh và đánh giá sự trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt, sao chép:

- So sánh tổng thể và so sánh từng phần đối với hình thức thể hiện của tác phẩm, đối tượng quyền liên quan;

- Đánh giá mức độ trùng lặp, tương tự về cấu trúc, bố cục, trình tự, ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh và các yếu tố khác (nếu có);

- Đánh giá khả năng gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép đối với người tiếp nhận thông thường;

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả so sánh, bao gồm yếu tố sáng tạo, đặc điểm thể hiện và bối cảnh sử dụng.

đ) Kỹ năng xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan, xác định giá trị thiệt hại:

- Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan;

- Thu thập, phân tích thông tin, tài liệu về việc khai thác, chuyển giao, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và các yếu tố hình thành giá trị quyền.

- Áp dụng phương pháp định giá phù hợp theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan, phối hợp với chuyên gia thẩm định giá hoặc tổ chức chuyên nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

- Phân tích, xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;

- Phân tích, xác định loại thiệt hại phát sinh do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và mối quan hệ nhân quả theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- Xác định phạm vi, mức độ và thời gian xảy ra thiệt hại do hành vi xâm phạm;

- Thu thập, phân tích tài liệu, chứng cứ làm căn cứ xác định thiệt hại.

e) Kỹ năng cần thiết khác:

- Tra cứu, sử dụng pháp luật đúng quy định; trường hợp có yếu tố nước ngoài còn phải sử dụng các Điều ước, cam kết quốc tế có liên quan;

- Thỏa thuận, soạn thảo hợp đồng dịch vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Xác định chi phí thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Thành lập Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan (trong trường hợp cần thiết): xác định thành viên Hội đồng, tổ chức làm việc, lập biên bản họp của Hội đồng;

- Xây dựng văn bản kết luận giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Thực hành tình huống hoặc học tập thực tế

- Thực hành các kỹ năng phục vụ giám định được đào tạo trên cơ sở các tình huống, vụ việc cụ thể về quyền tác giả, quyền liên quan và xây dựng kết luận giám định;

- Học tập thực tế tại các đơn vị chuyên trách về quyền tác giả, quyền liên quan (tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan, cơ quan quản lý nhà nước, thực thi về quyền tác giả, quyền liên quan).

4. Kiến thức bổ trợ

- Quy định của pháp luật về giám định tư pháp liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan;

- Kiến thức cơ bản về các lĩnh vực liên quan: điện ảnh, âm nhạc, sân khấu, mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn học, báo chí, kiến trúc, phần mềm...;

- Kiến thức cơ bản về định giá, thẩm định giá;

- Kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các vấn đề mới phát sinh trong bảo hộ và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Hoạt động kiểm tra, đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá mức độ tham gia và chấp hành quy định của học viên trong quá trình đào tạo;
- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, bao gồm các nội dung về kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, năng lực thực hành và đạo đức nghề nghiệp (thông qua bài kiểm tra định kỳ hoặc cuối khóa);
- Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá làm căn cứ xác định việc hoàn thành chương trình đào tạo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tài liệu đào tạo bám sát chương trình khung, bảo đảm tính chính xác, phù hợp, cập nhật, linh hoạt với các phương pháp giảng dạy khác nhau.
2. Công tác tổ chức, giảng dạy linh hoạt về thời gian và phương thức tổ chức, kết hợp lý thuyết với thực hành, chú trọng rèn luyện kỹ năng.
3. Giảng viên tham gia giảng dạy phải có kiến thức, có kinh nghiệm thực tế, kỹ năng nghề nghiệp.
4. Đánh giá việc hoàn thành chương trình đào tạo:
 - a) Việc đánh giá học viên căn cứ vào: mức độ tham gia chương trình đào tạo (tối thiểu 80% tổng thời lượng); kết quả các kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo;
 - b) Học viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a khoản này được cấp chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan.